

Số: 30/BC- THCS TL

Thanh luông, ngày 22 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS xã Thanh Luông xây dựng báo cáo công khai thường niên năm học 2024 - 2025 như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường THCS xã Thanh Luông

2. Địa chỉ:

Địa chỉ: Bản Pe luông xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

- Địa chỉ thư điện tử: thcsxathanhluong.@gmail.com

- Địa chỉ website: <https://thcsthanhluong.huyendienbien.edu.vn>

3. Loại hình:

- Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập lành mạnh, nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục ổn định, để mỗi học sinh có kiến thức, có tri thức vững vàng bước vào trường trung học phổ thông, trường trung cấp nghề. Xây dựng các giá trị cốt lõi nhà trường như: Tinh thần đoàn kết; Tinh thần trách nhiệm; Tinh trung thực; Tinh sáng tạo; Lòng nhân ái; Khát vọng vươn lên.

- Tầm nhìn: Nhà trường phấn đấu trở thành trường có chất lượng cao về giáo dục trong huyện, tỉnh. Đào tạo ra những con người khỏe mạnh về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, đáp ứng được sự hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Mục tiêu

- Thực hiện tốt quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: Phát huy hết những sở trường năng lực cá nhân để mang đến những điều mới mẻ bổ ích đến cho học sinh. Luôn quan tâm giúp đỡ trong cuộc sống và công việc, nhiệt tình tâm huyết trong mọi hoạt động dạy học và giáo dục cho học sinh. Bằng mọi hình thức giáo

độc hữu hiệu nhà trường thiết lập được môi trường giáo dục mang tính nhân văn, giúp các em học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình với một khả năng ứng xử văn hóa giáo dục hiện đại với những cách giao tiếp lịch sự văn minh tiếp thu nhanh chóng kiến thức mới mẻ, góp phần vào việc nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục Việt Nam.

Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện hiệu quả chương trình GDPT năm 2018 từ lớp 6 đến 9, từng bước nâng cao các tiêu chí để đưa nhà trường đạt chuẩn quốc gia, xây dựng trường học hạnh phúc.

Nhà trường thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, đổi mới công tác quản lý nâng cao chất lượng giáo dục làm mục tiêu hàng đầu, luôn đổi mới chính mình, trau dồi kiến thức mới, giáo dục cho học sinh phát triển toàn diện.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS xã Thanh Lương là đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện Điện Biên, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên. Trường THCS xã Thanh Lương - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên được thành lập năm 2001 theo Quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 12/7/2001 của UBND Điện Biên về việc tách trường Phổ thông cơ sở xã Thanh Lương

Trường THCS xã Thanh Lương là cơ sở giáo dục phổ thông công lập của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Điện Biên.

Trải qua hơn 20 năm phấn đấu và trưởng thành, nhiều thế hệ thầy giáo cô giáo và các em học sinh đã nối tiếp nhau tô thắm, làm dày thêm truyền thống nhà trường bởi những thành tích đáng tự hào.

Năm 2010 nhà trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Năm 2016 được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần 2.

Năm 2020 được kiểm định chất lượng đánh giá ngoài mức độ 3, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Nhiều năm liền đạt Chi bộ trong sạch vững mạnh, chi bộ Đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Những nỗ lực của tập thể nhà trường đã được ghi nhận qua nhiều bằng khen, giấy khen từ Bộ Giáo dục & Đào tạo, UBND tỉnh, Sở giáo dục & Đào tạo. Các năm Chi bộ đều đạt tiêu chuẩn Chi bộ "trong sạch vững mạnh", Chi bộ nhà trường được Tỉnh ủy Điện Biên tặng Bằng khen chi bộ đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 05 năm liền. Công đoàn được tổng LĐLĐ Việt Nam tặng bằng khen. Liên đội được ban chấp hành trung ương đoàn tặng bằng khen, Tỉnh đoàn tặng cờ thi đua và nhiều giấy khen của Hội đồng đội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Đức Hồng Chúc vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS xã Thanh Lương huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Số Điện thoại: 0915350667.

- Địa chỉ thư điện tử: duchongthcthanhluong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

Quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 12/7/2001 của UBND Điện Biên về việc tách trường Phổ thông cơ sở xã Thanh Luông

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Quyết định công nhận hội đồng trường số 3117/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026; Tờ trình số 17 ngày 30/9/2023 về kiện toàn nhân sự Hội đồng trường THCS xã Thanh Luông nhiệm kỳ 2021-2026.

Stt	Họ và tên	chức vụ chính quyền đoàn thể
1	Nguyễn Đức Hồng	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng
2	Hoàng Thị Minh	Phó Hiệu trưởng
3	Phạm Thị Đóa	Chủ tịch Công đoàn
4	Đặng Quốc Lập	GV, Bí thư chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
5	Vũ Thúy Hồng	GV, Tổ trưởng tổ chuyên môn
6	Đặng Thị Thanh Nga	GV, Tổ trưởng tổ chuyên môn
7	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	GV, Tổ trưởng tổ chuyên môn
8	Nguyễn Thị Yến	Nhân viên kế toán, Tổ trưởng tổ văn phòng
9	Hà Kim Dung	Giáo viên, Tổng phụ trách đội
10	Lê Thị Ánh	Giáo viên, thư ký Hội đồng sư phạm
11	Hà Văn Hải	Phó chủ tịch UBND xã Thanh Luông
12	Lò Thị Tính	Đại diện Hội cha mẹ học sinh
13	Lò Thu Phương	Đại diện HS trường

Chủ tịch hội đồng trường là ông Nguyễn Đức Hồng- Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng được UBND huyện Điện Biên công nhận tại số 426/QĐ-UBND ngày 17/02/2022 Chủ tịch UBND huyện Điện Biên về việc công nhận chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường THCS xã Thanh Luông số 606/QĐ-UBND ngày 31/3/2021.

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS xã Thanh Luông số 2556/QĐ-UBND ngày 30/10/2021. (Hoàng Thị Minh)

Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS xã Thanh Luông số: 1553 /TB- HU ngày 05/3/2024.(Đặng Quang Trường)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

+ Quy chế hoạt động của nhà trường: (Có quy chế riêng)

+ Chức năng, nhiệm vụ của trường: Trường là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND, Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên quản lý. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của Trường được quy định tại Điều 3, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

+ Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường: gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học; tổ phục vụ các hoạt động giáo dục.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục

* Hiệu trưởng:

Họ và tên: Nguyễn Đức Hồng Số điện thoại: 0343507464

Thư điện tử: duchongethcthanhluong@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

* Phó hiệu trưởng: Hoàng Thị Minh

Số điện thoại: 0839390133

Thư điện tử: hoangminhdb@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS xã Thanh luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

* Phó hiệu trưởng: Đặng Quang Trường

Số điện thoại: 0949054711

Thư điện tử: dangtruong81@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS xã Thanh luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; Các nghị quyết của hội đồng trường; Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Quy chế nội bộ khác. (Nhà trường có đầy đủ các loại quy chế trên)

B. NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo tính đến ngày 01/6/2025.

1) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng đội ngũ CBQL-GV-NV
- + Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03 (tăng 01 CBQL)
- + Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (Giáo viên): 23 (tăng 01 GV)
- + Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 02
- + Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02
- Hợp đồng thuê khoán lao động phục vụ, bảo vệ: 02 người
- + Trong đó: Nhân viên phục vụ: 01 người; Nhân viên bảo vệ: 01 người
(có biểu 01 kèm theo)

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Cán bộ quản lý: Hiệu trưởng $1/2 = 50\%$ tốt ; Phó hiệu trưởng $1/2 = 50\%$ tốt; $1/2 = 50\%$ khá

Chuẩn Giáo viên: $18/23 = 78,3\%$ loại tốt; $05/23 = 21,7\%$ Giáo viên xếp loại khá

3) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- + $3/3 = 100\%$ cán bộ quản lý HTBĐTX theo quy định
- + $22/22 = 100\%$ giáo viên HTBĐTX theo quy định
- + $02/02 = 100\%$ nhân viên HTBĐTX theo quy định

II. CÔNG KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

a) Trường có khuôn viên riêng biệt

Diện tích trường	Bình quân/học sinh	Quy định
4870m ²	11,9 m ²	10m ²

b) Số lượng, hạng mục các khối phòng:

- Khối phòng hành chính quản trị: 06 phòng đủ so với quy định.
- Khối phòng học tập: 06 phòng (kiến cố 06 phòng) Phòng bộ môn 6 phòng (thiếu phòng tiếng Anh và phòng đa chức năng).
- Khối phòng hỗ trợ học tập: 3 phòng (thiếu 01 phòng tư vấn tâm lý học đường)
- Khối phụ trợ: Đủ, đảm bảo so với quy định.

- Khu sân chơi thể thao: Sân chơi, bãi tập diện tích 1500m² (diện tích sân chơi, bãi tập chiếm khoảng 30% diện tích toàn trường). Khu vực sân chơi có nhiều cây xanh, bóng mát thuận lợi cho học sinh tập luyện khi thời tiết nắng nóng; có đủ thiết bị tối thiểu để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường (có biểu 02 kèm theo)

Do nhà trường đã xây dựng từ năm 2001, đa số phòng học, phòng bộ môn diện tích hẹp hơn so với TT13/2020 của Bộ GD và ĐT

c) Số thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Danh mục SGK, sách tham khảo..

(có biểu 03 kèm theo)

Hàng năm đều tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung kịp thời

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Danh mục sách giáo khoa lớp 9 từ năm học 2024-2025: Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Điện Biên.

III. CÔNG KHAI VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Trường Đạt KĐCLGD đạt cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2023 -- 2024 (kế hoạch số: 27/KH-THCSTL ngày 02/10/2023)

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

	Kết quả đánh giá và KĐCLGD năm học 2023-2024		Kế hoạch đánh giá và KĐCLGD năm học 2024-2025	
	Đánh giá trường đạt Chuẩn QG	Kiểm định CLGD	Đánh giá trường đạt Chuẩn QG	Kiểm định CLGD
KQ&KH đánh giá	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 2	Mức độ 3
Mốc TG đánh giá hàng năm	10/2023	10/2023	10/2024	10/2024
Mốc TG đánh giá 05 năm	10/2025	10/2025	10/2025	10/2025

Báo cáo và các tiêu chuẩn của mỗi tiêu chí đã được công khai trên website nhà trường.

IV. CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a) Công tác tuyển sinh học sinh lớp 6

- Kế hoạch tuyển sinh: Trường THCS xã Thanh Lương đã ban hành kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026 (kế hoạch số 20/KH-THCSTL ngày 19/5/2025. .

- Phương thức: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh

+ Đợt 1: Thời gian tuyển sinh từ ngày 22/5/2025 - 30/5/2025

+ Đợt 2: Thời gian tuyển sinh từ ngày 01/8/2025 - 20/8/2025

- Chỉ tiêu: 100 %; Kết quả tuyển sinh: 93/93 = 100 %

b) Kế hoạch giáo dục nhà trường: Đăng tải trên website nhà trường; Phần mềm e.Doc

c) Quy chế phối hợp giữa gia đình và học sinh: Đăng tải trên website nhà trường;

d) Các chương trình hoạt động và hỗ trợ chương trình giáo dục nhà trường

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu: Đăng website nhà trường;

- Các hoạt động trải nghiệm, trong và ngoài nhà trường;

- Dạy học môn hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp;

đ) Kết quả giáo dục năm học 2024-2025

- Số học sinh có 404 học sinh, nữ 188 HS, nam 216 HS, dân tộc 289 HS, khuyết tật hòa nhập 03 HS. chia theo từng khối lớp:

STT	Khối lớp	Số lớp	Số học sinh	Bình quân số HS/ lớp
1	6	2	78	39
2	7	4	138	34,5
3	8	3	88	29,3
4	9	3	100	33,3
	Tổng	12	404	34

Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

- Đánh giá kết quả, chất lượng giáo dục: năm học 2024-2025

303 học sinh (01 HS khuyết tật trí tuệ không đánh giá)

Tỷ lệ học sinh chuyển thẳng lớp: 293/303 chiếm tỷ lệ 96,7%.

Tỷ lệ học sinh chuyển lớp sau thi lại: 303/303 đạt 100% (01 HS khuyết tật hòa nhập không đánh giá)

Rèn luyện	Học tập
-----------	---------

	SL	%		SL	%
Tốt	310	76.9	Tốt	54	13,4
Khá	84	20.9	Khá	155	38,5
Đạt	9	2.2	Đạt	194	48,1
CD	0		CD	0	0

Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS: $100/100 = 100\%$.

- Kết quả thực hiện các cuộc thi:

Các cuộc thi	Cấp huyện				Cấp tỉnh			
	Nhất	Nhì	Ba	KK	Nhất	Nhì	Ba	KK
HS giỏi các môn văn hóa khối 9	1	3	5	6		1	4	4
HS giỏi các môn văn hóa khối	1	3	5	30				
Thi IOE tiếng Anh trên mạng			1	5		1	1	4

Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp Huyện đạt 02 giải: 01 giải ba; 01 giải KK

Cuộc thi Sáng tạo TTNND cấp huyện đạt 02 giải: 01 giải A cấp huyện, 01 giải khuyến khích.

Tham gia giao lưu thể thao cấp huyện: 4 giải (01 giải nhất, 03 giải ba); cấp tỉnh 04 giải (01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba).

VI. CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Nhà trường công khai tài chính theo quy định (Biểu 4 kèm theo)

Các khoản thu và mức thu thực hiện đúng văn Bản của các cấp.

Thực hiện đảm bảo chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Thực hiện tốt dân chủ tại nhà trường.

=> Các nội dung trên đều được nhà trường công khai trên cổng thông tin điện tử website địa chỉ <https://thcs thanhluong.huyendienbien.edu.vn/>



Nguyễn Đức Hồng

TRƯỜNG THCS XÃ THANH LƯƠNG



BIỂU 01

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo tính đến ngày 01/6/2024.

stt	Vị trí việc làm	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Th S	Đ H	C Đ	T C	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
		28	1	25	1	1		2	23	1
I	Vị trí lãnh đạo, quản lý									
1	Vị trí Hiệu trưởng	1	1						1	
2	Vị trí phó hiệu trưởng	2		2					2	
II	Vị trí làm việc chức danh nghề nghiệp chuyên môn									
2.1	Giáo viên làm Tổng phụ trách Đội	1		1						1
2.2	Vị trí giáo viên THCS	22		21	1			2	20	
1.	Thê dục	1		1				1		
2.	Âm nhạc	1		1					1	
3.	Mỹ thuật									
4.	Tin học	1		1					1	
5.	Tiếng Anh	2		2					2	
6.	Ngữ văn	4		4					4	
7.	Lịch sử	2		1	1			1	1	
8.	Địa lý	1		1					1	
9.	Toán học	4		4					4	
10	Vật lý	1		1					1	

11	Hóa học	1		1				1	
12	Giáo dục công dân	1		1				1	
13	Sinh học	2		2				2	
2.3	Vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm								
2.4	Vị trí việc làm giáo vụ								
2.5	Vị trí việc làm tư vấn học sinh								
2.6	Vị trí việc làm hỗ trợ giáo dục người khuyết tật								
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Vị trí việc làm thư viện, quản trị công sở								
2	Vị trí việc làm Kế toán	1		1					
3	Vị trí việc làm Văn thư								
4	Vị trí việc làm Thủ quỹ								
5	Vị trí việc làm y tế học đường	1			1				
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2					2		
1	Vị trí việc làm nhân viên bảo vệ trường học	1					1		
2	Vị trí làm việc nhân viên phục vụ	1					1		
3	Vị trí làm việc nhân viên nấu ăn								

TRƯỜNG THCS XÃ THANH LƯƠNG



BIỂU 2- CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2014-2025

Cơ sở vật chất	m ²	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Mượn
DT khuôn viên	4870					
Phòng BGH	60	2	2			
Phòng học văn hóa	270	6	6			
Phòng học môn KHTN	135	3				
Phòng học ngoại ngữ	45			1		
Phòng Nghệ thuật	45	1		1		
Phòng chuẩn bị						
Phòng sinh hoạt tổ bộ môn	60	3		3		
Phòng kế toán	20	1		1		
Phòng đoàn, đội	20	1	1			
Văn phòng	45	1	1			
Phòng học tin	45	1	1			
Thư viện	90	2	2			
Kho thiết bị	50	2			1	
Phòng Bảo vệ	15	1	1			
Nhà vệ sinh GV	50	1	1			
Nhà vệ sinh HS	50	1	1			
Nhà xe HS	50	1		1		
Nhà xe GV	60	1		1		
Tường bao	400					
Sân chơi	1500	2	2			
Bàn ghế HS 2 chỗ ngồi	212					
Máy tính Phục vụ học tập	34					
Máy tính phục vụ quản lý	06					
Máy chiếu	23					
Ti vi	01					
Máy photo	03					
Hệ thống nước sạch	2					

TRƯỜNG THCS XÃ THANH LƯƠNG

BIỂU 3

Số thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Danh mục SGK, sách tham khảo..

ST T	Nội dung		Số lượng	Đáp ứng
1	Khối lớp 6		01	Đáp ứng
2	Khối lớp 7		01	Đáp ứng
3	Khối lớp 8		01	Đáp ứng
4	Khối lớp 9		01	Đáp ứng
Sách giáo khoa (Chương trình GDPT 2018)				
5	Khối 6		35	Đủ hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn – dùng tài nguyên chung của thư viện
6	Khối 7		32	
7	Khối 8		25	
8	Khối 9		25	
9	Sách tham khảo theo chương trình 2018(SGV)		1366	Đáp ứng đủ
Sách giáo dục địa phương				
10	Khối 6		170	Đáp ứng đủ
11	Khối 7		172	Đáp ứng đủ
12	Khối 8		173	Đáp ứng đủ
13	Khối 9		173	Đáp ứng đủ
Xuất bản phẩm tham khảo				
14	Truyện, báo tạp chí		550	Đáp ứng đủ
15	Sách pháp luật		60	Đáp ứng đủ
16	Sách kỹ năng sống		118	Đáp ứng đủ
17	Báo thiếu nhi		350	Đáp ứng đủ
18	Sách về Đảng		0	Đáp ứng đủ



Tình hình tài chính

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm 2023)
A	TỔNG THU	8.416.114.399	6.843.693.229
I	Thu ngân sách	8.335.976.899	6.772.205.729
1	Nguồn chi thường xuyên	7.785.920.510	6.457.838.229
2	Nguồn chi không thường xuyên	570.056.389	264.367.500
II	Thu giáo dục và đào tạo	80.137.500	71.487.500
1	Học phí	80.137.500	71.487.500
2	Thu khác		
III	Thu khác		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	8.416.114.399	6.843.693.229
I	Chi lương, thu nhập	7.484.387.875	6.078.695.785
1	Chi lương, thu nhập của CBGVNV	7.354.370.239	5.948.678.149
2	Chi lương, thu nhập cho NLĐ	130.017.636	130.017.636
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	301.532.635	379.142.444
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	301.532.635	379.142.444
III	Chi hỗ trợ người học	46.361.500	45.051.500
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	17.250.000	14.400.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	29.111.500	30.651.500
IV	Chi khác	583.832.389	340.803.500
C	CHÊNH LỆCH THU CHI (C= A-B)	0	0

2. Các khoản thu và mức thu

2.1. Học phí

Đối tượng	ĐVT	Mức thu	
		Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liền kế năm báo cáo (Năm 2023)
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực I	Đồng/tháng	25.000	25.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực II	Đồng/tháng	15.000	15.000
Học sinh có cha mẹ (hoặc người giám hộ) thường trú tại các xã thuộc khu vực III	Đồng/tháng	10.000	10.000

2.2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ HĐCSGD khác, nguồn VDTT

STT	Tên khoản thu	ĐVT	Mức thu	
			Năm báo cáo (Năm học 2024-2025)	Năm báo cáo (Năm học 2023- 2024)
1	Dịch vụ cung cấp nước uống	Năm/học sinh	.	70.000
2	Dịch vụ dọn vệ sinh	Năm/học sinh	70.000	70.000
3	Nguồn VDTT	Năm/học sinh	Tùy tâm	Tùy tâm

3. Chính sách và Kết quả thực hiện chính sách

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2023)
1	Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập theo NĐ 81/2021/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	36	35
	+ Định mức hỗ trợ (đồng/tháng)	150.000	150.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	43.200.000	41.250.000
2	Chính sách CBMGHP theo NĐ 81/2021/NĐ-CP	7.002.500	7.717.500
	Tổng số học sinh được phê duyệt CBMGHP		
	Trong đó + Mức MG 100%	36	27
	+ Mức Miễn giảm 50%	19	14
	+ Mức Miễn giảm 70%		
	+ Tổng số tiền MGCBHP	3.991.500	4.091.500
3	Chính sách Hỗ trợ ăn trưa theo NĐ 105/2020/NĐ-CP		
	+ Tổng số học sinh được phê duyệt và chi trả chế độ:	21	18
	+ Định mức hỗ trợ	160.000	160.000
	+ Tổng số tiền thực hiện chi trả:	25.120.000	27.700.000

4. Số dư các quỹ theo quy định:

STT	Tên khoản thu	Số dư Năm báo cáo (Năm 2024)	Năm trước liên kế năm báo cáo (Năm 2023)
1	Dịch vụ cung cấp nước uống	0	14.753.648
2	Dịch vụ dọn vệ sinh	12.835.000	15.750.000
3	Nguồn VĐTT	22.526.222	15.627.277
	Tổng cộng	35.361.222	46.130.925